

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Học viện Quản lý giáo dục.

Tiếng Anh: National Academy of Education Management.

Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HVQ.

Tiếng Anh: NAEM.

1.2. Địa chỉ

Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.864.3352

Website: www.naem.edu.vn

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

1.4.1. Sứ mạng

Học viện Quản lý giáo dục là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tư vấn về quản lý giáo dục, cung cấp nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực có chất lượng cao trong và ngoài ngành giáo dục, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

1.4.2. Tầm nhìn

Học viện Quản lý giáo dục phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành với ưu thế cốt lõi là quản lý giáo dục và các ngành có liên quan mật thiết với giáo dục; hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo và phát triển nguồn cán bộ quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng hiện đại của Việt Nam và thế giới.

1.4.3. Mục tiêu

Xây dựng Học viện Quản lý giáo dục trở thành trung tâm đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao, có năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ tiên tiến, có môi trường mở về tri thức, gắn nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng với phục vụ cộng đồng, có quan hệ quốc tế rộng rãi, giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục.

Đến năm 2030, Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong nước và khu vực về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, cung cấp dịch vụ về giáo dục nhất là quản lý giáo dục; đội ngũ cán bộ, giảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật hiện đại; có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học rộng rãi trong và ngoài nước.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Học viện Quản lý giáo dục được thành lập theo Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo được thành lập ngày 01/10/1976.

Với 50 năm xây dựng và phát triển, Học viện Quản lý giáo dục đã góp phần xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về khoa học giáo dục, nhất là khoa học quản lý giáo dục Việt Nam; tham mưu tư vấn và triển khai ứng dụng khoa học quản lý, quản trị nhà trường cho hệ thống các trường, khoa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Quản lý giáo dục trong toàn quốc; nghiên cứu đánh giá tác động của các chủ trương, chính sách và các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viện đã trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức ngành giáo dục cả nước góp phần nâng cao năng lực quản lý, năng lực tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng làm cốt lõi, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trên tất cả các phương diện và lĩnh vực hoạt động. Hiện nay, các hoạt động chuyên môn của Học viện được phát triển cả về chiều

rộng và chiều sâu, công tác nghiên cứu khoa học đạt được những thành tựu đáng kể, các hoạt động liên kết với nước ngoài ngày càng mở rộng, hiệu quả nhằm mục đích ngày càng nâng cao hơn nữa vị thế đưa Học viện giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín trên cả nước.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn, hoặc người đại diện để liên hệ

Họ và tên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; Chức vụ: Bí thư Đảng uỷ; Giám đốc Học viện.

Địa chỉ: Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Email: hangntt@naem.edu.vn; Số điện thoại: 0243.864.3352.

1.7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập Học viện Quản lý giáo dục

Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/04/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Quản lý giáo dục (QLGD).

b. Quyết định công nhận Hội đồng Học viện, Chủ tịch Hội đồng và danh sách thành viên Hội đồng Học viện

- Quyết định số 2838/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 21/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận thành viên Hội đồng trường Học viện QLGD, nhiệm kỳ 2020-2025.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Giám đốc, phó Giám đốc Học viện

- Quyết định số 28/QĐ-HĐHV ngày 21/12/2021 và Quyết định số 29/QĐ-HĐHV của Hội đồng Học viện về việc bổ nhiệm TS. Phan Hồng Dương và TS. Phùng Thị Lý Hằng giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện QLGD, nhiệm kỳ 2020-2025 theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện.

- Quyết định số 1787/QĐ-BGDĐT ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bố trí, bổ nhiệm PGS.TS Phạm Văn Thuận giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện QLGD, thời hạn giữ chức vụ 05 năm;

- Quyết định số 1789/QĐ-BGDĐT ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Giám đốc Học viện đối với PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hằng giữ chức vụ Giám đốc Học viện QLGD cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện

- Quyết định số 12/QĐ-HĐHV ngày 30/12/2020 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện QLGD.

- Quyết định số 16/QĐ-HĐHV ngày 02/7/2021 của Hội đồng Học viện về việc sửa đổi Khoản 2 Điều 31 Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện QLGD;

- Nghị quyết 28/NQ-HĐHV ngày 27/11/2024 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện QLGD.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 05/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và Thanh tra thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐHV ngày 05/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Học viện QLGD.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐHV ngày 05/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Quản lý khoa học, Hợp tác quốc tế và Tạp chí thuộc Học viện QLGD.

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐHV ngày 05/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Quản lý đào tạo - Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên thuộc Học viện QLGD.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ liên hệ, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Học viện và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Ban Giám đốc				
Giám đốc	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS, Giám đốc Học viện	02438643352	hangntt@naem.edu.vn
Phó Giám đốc	Phạm Văn Thuận	PGS.TS, Phó Giám đốc Học viện	02436648718	huanpv@vnu.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Phan Hồng Dương	TS, Phó Giám đốc Học viện	0913001252	phanhongduong@gmail.com
	Phùng Thị Lý Hằng	TS, Phó Giám đốc Học viện	0903213170	hangp170@gmail.com

2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên

Đảng ủy	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy Học viện	02438643352	hangntt@niem.edu.vn
Công đoàn	Nguyễn Việt Linh	Thạc sỹ, Chủ tịch Công đoàn Học viện	0977366836	vietlinhnaem@gmail.com
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Mạnh Cường	Thạc sỹ Bí thư Đoàn TN	0825866789	cuongnm.edu@gmail.com

3. Các phòng, ban chức năng

Phòng TC-HC	Đỗ Tiến Sỹ	PGS.TS, Trưởng phòng	0912491759	dotiensy73@yahoo.com
	Đào Thị Ngọc Ánh	TS, Phó Trưởng phòng	0985607688	daongocanhkt30d@gmail.com
Phòng KH-TC	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sỹ, Trưởng phòng	0912293748	guichohong@gmail.com
	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ, Phó Trưởng phòng	0968863646	hiennguyen@moet.edu.vn
	Đặng Thu Thủy	TS, Kế toán trưởng	0983104643	dangthuyhvql@gmail.com
Phòng QTTB	Phạm Thùy Thu	Thạc sỹ, Trưởng phòng	0912075615	thuphamthuynaem@gmail.com
	Trần Thị Diệu Nga	Thạc sỹ, Phó Trưởng phòng	0964225583	dieunga.hvqlgd@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Phòng QLĐT, GDCT&CTSV	Hoàng Thị Kim Huệ	TS, Phó Trưởng phòng, phụ trách phòng	0912640056	huehtk@naem.edu.vn
	Đặng Thị Thanh Thảo	TS, Phó Trưởng phòng	0982107575	thaodangthanh@gmail.com
Phòng QLKH, HTQT&TC	Hà Thanh Hương	TS, Trưởng phòng	0912440989	huonght.naem@gmail.com
	Nguyễn Thị Thi	TS, Tổng biên tập	0983503005	thihoanhieu@yahoo.com
Phòng ĐBCLGD&TT	Lê Thị Thúy Nga	TS, Trưởng phòng	02436687127	ngahvql@gmail.com
	Đặng Thị Kim Dung	TS, Phó Trưởng phòng	0912183938	dtkdung.hvq@moet.edu.vn

4. Các trung tâm/viện trực thuộc

Trung tâm CNTT - TV	Lê Thành Kiên	Thạc sỹ, Giám đốc Trung tâm	0904287885	tccb_niem@yahoo.com
	Đinh Thị Ngọc Oanh	Thạc sỹ, Phó Giám đốc Trung tâm	0912599977	oanh.niem@gmail.com
Trung tâm BDNG&CBQL	Vũ Duy Hiền	TS, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm	0913039130	hienvuduy66@gmail.com
Trung tâm TTĐTLĐ &CBQL	Hoàng Thị Ai Vân	TS, Giám đốc Trung tâm	0913583885	ms_aivan@yahoo.com.vn
Trung tâm NN&VHQT	Phùng Thị Lý Hằng	TS, Phó Giám đốc HV (kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm)	0903213170	hangp170@gmail.com
Viện NCKH QLGD	Trình Thanh Hà	TS, Phó Viện trưởng phụ trách	0902531167	hatt@niem.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
5. Các khoa/viện đào tạo, tổ				
Khoa Quản lý	Lê Thị Ngọc Thúy	TS, Trưởng khoa	0936019768	austeduvic@gmail.com
	Phạm Ngọc Long	TS, Phó trưởng khoa	0915144069	ngoclonghvql@gmail.com
Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hoàng Trung Học	PGS, Trưởng khoa	0914335199	hoangtrunghoctlgd@gmail.com
	Cao Xuân Liễu	TS, Phó Trưởng khoa	0908372345	caoxuanlieu@gmail.com
Khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông	Đỗ Viết Tuấn	TS, Phó Trưởng khoa phụ trách	0914625305	doviettuan80@yahoo.com
Khoa Ngoại ngữ	Phan Hồng Dương	TS, Phó Giám đốc HV, (kiêm nhiệm Trưởng khoa)	0913001252	phanhongduong@gmail.com
	Đỗ Thanh Tú	TS, Phó Trưởng khoa	0903286778	tukutelam@gmail.com
Khoa Cơ bản	Nguyễn Thị Hương	TS, Trưởng khoa	0906072074	huongsun1411@yahoo.com
	Hoàng Thị Tâm	TS, Phó Trưởng khoa	0982279004	hoangtamhd09@gmail.com

8. Các văn bản của Học viện

- Quyết định số 185/QĐ-HVQLGD ngày 25/3/2019, Quy định chế làm việc đối với viên chức hành chính của HVQLGD;
- Quyết định số 20/QĐ-HĐHV ngày 25/8/2021 về việc Ban hành Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035;
- Quyết định số 04/QĐ-HĐHV ngày 13/01/2021 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục;
- Quyết định số 17/QĐ-HĐHV ngày 02/7/2021 của Hội đồng trường Học viện QLGD về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 08/QĐ-HĐHV ngày 8/4/2021;
- Quyết định số 19-QĐ-HĐHV ngày 02/07/2021, Quy chế nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ;

- Quyết định số 988/QĐ-HVQLGD ngày 31/8/2022, ban hành Nội quy lao động của Học viện QLGD;
- Quyết định số 87/QĐ-HVQLGD ngày 21/02/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 492/QĐ-HVQLGD ngày 20/6/2019 của Giám đốc Học viện về việc ban hành Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện QLGD;
- Quyết định 116/QĐ-HVQLGD ngày 07/3/2023, Quy định việc tạm thời ban hành Quy định về tuyển chọn và quản lý giảng viên đi đào tạo theo Đề Án 89;
- Quyết định số 188/QĐ-HVQLGD ngày 27/3/2023 chức năng nhiệm vụ của đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Quản lý giáo dục;
- Quyết định số 696/QĐ-HVQLGD ngày 21/12/2023 của Giám đốc Học viện, Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;
- Quyết định số 1155/QĐ-HVQLGD ngày 30/12/2024 về việc Ban hành Quy tắc văn hóa ứng xử;
- Quyết định số 285/QĐ-HVQLGD ngày 09/4/2025 của Giám đốc Học viện QLGD về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Quản lý giáo dục;
- Quyết định số 982/QĐ-HVQLGD ngày 25/9/2025, ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng;
- Quyết định số 214/QĐ-HVQLGD, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Học viện QLGD;
- Nghị quyết số 04/QĐ-HĐHV ngày 13/01/2021, ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong Học viện;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐHV ngày 18/02/2021, của Hội đồng Học viện, ban hành Quy chế Quản lý tài chính Học viện Quản lý giáo dục;
- Nghị quyết số 09/NQ-HĐHV ngày 08/4/2021, của Hội đồng Học viện, ban hành Quy định chuyển chức danh nghề nghiệp tương đương sang chức danh nghề nghiệp giảng viên đối với viên chức của Học viện;
- Nghị quyết 30/QĐ-HĐHV ngày 21/12/2021, của Hội đồng Học viện, ban hành Quy định về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng, phụ trách kế toán của Học viện;
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐHV ngày 12/5/2022 của Hội đồng Học viện, ban hành Quy chế tuyển dụng, thử việc, bổ nhiệm vào Chức danh nghề nghiệp viên chức của Học viện QLGD;

- Nghị quyết 03/NQ-HĐHV ngày 07/02/2023, của Hội đồng Học viện, ban hành Quy định về nghỉ hưu và nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn đối với viên chức, người lao động của Học viện;

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐHV ngày 23/10/2023 của Hội đồng Học viện về việc thống nhất chủ trương phê duyệt phương án phân loại tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025 của Học viện QLGD;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐHV ngày 01/03/2024 của Hội đồng Học viện về việc thông qua Phương hướng tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ năm 2024 của Học viện QLGD;

- Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 30/9/2025, của Hội đồng Học viện, ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển viên chức lãnh đạo, quản lý của Học viện QLGD.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2026	Năm 2025
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	25,89% (2641/102)	23,1% (2221/96)
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99% (101/102)	98,9% (95/96)
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	52,94 % (54/102)	55,2% (53/96)

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	102	02	46	54	07	02
	Lĩnh vực Quản lý giáo dục	29	01	10	18	04	0
	Lĩnh vực Giáo dục học	06	0	01	05	02	01
	Lĩnh vực CNTT	12	0	08	04	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	16	0	07	09	02	0
	Lĩnh vực Kinh tế học giáo dục	11	0	06	05	0	01

	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	28	01	14	13	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	101	02	46	53	07	01
	Lĩnh vực quản lý giáo dục	29	01	10	18	04	0
	Lĩnh vực giáo dục học	05	0	01	04	02	0
	Lĩnh vực CNTT	12	0	08	04	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	16	0	07	09	02	0
	Lĩnh vực kinh tế học giáo dục	11	0	06	05	0	01
	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	28	01	14	13	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2026	Năm 2025
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	03	03
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	60	67
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	102/63	96/70

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025
1	Diện tích đất/người học (m ²)	15.06	8.6
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3.21	3.82
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo:	1654.8	1296.18
5	Số bản sách/người học	9.55	5.7
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực	68.03%	30%

	tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps): Tổng số có 04 đường FTTH; tốc độ 100Mb.	483.3 mbps	150 mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Tại khu vực số 31 và số 62, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội (Khu A, Khu D, Khu S)	19721.6 (m ²)	19721.6 (m ²)
2	Cơ sở	Không		
3	Phân hiệu	Không		
Tổng cộng			19721.6 (m²)	19721.6 (m²)

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (tr.đ)
1	Xây mới tòa nhà Giảng đường sinh viên	Số 62, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội	106.674
2	Nâng cấp tòa nhà Giảng đường B1, B2	Số 31, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội	14.825
Tổng cộng			121.499

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Mức độ đạt kiểm định: tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 3,88.

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2030.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định: Đã thực hiện

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	9140114	Quản lý giáo dục	Thạc sỹ QLGD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2025
2	7310403	Tâm lý học giáo dục	Cử nhân TLH GD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2025

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2026	Năm 2025
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 03 năm	85%	65%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 03 năm	133%	122%
3	Tỷ lệ thôi học	3,1%	3,3%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,4%	0,5%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	71,4%	70,8%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	62,3%	60,8%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	90,3%	89,3%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	88,7%	87,5%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	94%	93%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm học 2025-2026

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				

	Chính quy	646	275	46	100%
2	Lĩnh vực nhân văn				
	Chính quy	268	70	150	98%
3	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi				
	Chính quy	1146	337	183	97%
4	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý				
	Chính quy	429	151	43	98%
5	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin				
	Chính quy	245	79	62	96%
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	231	157	34	100%
2	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	30	30		
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	55	30	08	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	2,6 bài/GV	1,7 bài/GV

3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	36,5% (82)	38,0% (93)
---	-----------------------------------	------------	------------

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	02	400 triệu đồng
3	Đề tài cấp cơ sở	10	300 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	
	Tổng số	12	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	118 bài	158 bài
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	30 bài	35 bài
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	56 sách, giáo trình	33 sách, giáo trình
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu	0	

ích		
-----	--	--

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	31%	28%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	16%	6%

2. Kết quả thu chi hoạt động

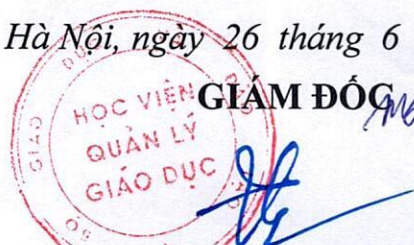
TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	128,315	84,174
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	27,569	20,914
II	Thu giáo dục và đào tạo	90,241	63,000
1	Học phí, lệ phí từ người học	37,200	31,015
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	53,041	31,985
III	Thu khoa học và công nghệ	10.505	260
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	505	260
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	10.000	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	88,302	60,608
I	Chi lương, thu nhập	32,683	27,431
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	21,662	17,663
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	11,021	9,768
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	23,331	10,910
1	Chi cho đào tạo	3,674	3,219
2	Chi cho nghiên cứu	1,330	1,058
3	Chi cho phát triển đội ngũ	82	0
4	Chi phí chung và chi khác	18,245	6,633
III	Chi hỗ trợ người học	4,061	1,051
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3,026	751
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1,035	300
3	Chi hoạt động khác	0	0
IV	Chi khác	28,227	21,216
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	40,013	23,566

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Không./.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng